

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO2

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

VNECO

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2018	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018	8
Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	9 – 26

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty CP Xây dựng Điện VNECO2 (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Đạu Thảo	Chủ tịch
Ông Mạnh Xuân Kỳ	Thành viên
Ông Hoàng Đình Khánh	Thành viên
Bà Trần Thị Thiện	Thành viên
Bà Lê Thị Thu Phương	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Huy Hoài	Trưởng ban
Bà Lê Thị Hải Yến	Thành viên
Ông Hoàng Thanh Sơn	Thành viên

Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Mạnh Xuân Kỳ	Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam – Chi nhánh Miền Trung, thành viên của RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Mạnh Xuân Kỳ

Giám đốc

Vinh, ngày 10 tháng 08 năm 2018

Số: 06/BCSX-RSMMT

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị
Giám đốc Công ty
CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO2**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty CP Xây dựng Điện VNECO2 được lập ngày 10 tháng 08 năm 2018, từ trang 5 đến trang 26 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty CP Xây dựng Điện VNECO2 chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty CP Xây dựng Điện VNECO2 cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại báo cáo kiểm toán số 022301/2018/BCKT/IFC ngày 23 tháng 02 năm 2018.



Trần Dương Nghĩa
Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
1309-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
– Chi nhánh Miền Trung

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 08 năm 2018

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		26.189.711.018	24.128.323.813
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		708.749.627	691.452.300
1. Tiền	111	4.1	708.749.627	691.452.300
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	5.348.809.619	3.266.381.219
1. Chứng khoán kinh doanh	121		7.321.110.230	4.386.153.330
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(1.972.300.611)	(1.119.772.111)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.310.091.689	17.517.467.265
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	10.656.702.851	13.651.327.930
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	689.312.462	230.833.462
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	3.835.249.840	4.506.479.337
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(871.173.464)	(916.897.194)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	45.723.730
IV. Hàng tồn kho	140	4.7	5.569.426.186	2.517.059.087
1. Hàng tồn kho	141		5.569.426.186	2.517.059.087
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		252.633.897	135.963.942
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	164.603.336	47.933.381
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.14	88.030.561	88.030.561
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.387.162.645	7.424.960.358
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		7.169.137.396	7.283.845.566
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	4.217.137.396	4.331.845.566
Nguyên giá	222		8.327.050.041	8.181.050.041
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.109.912.645)	(3.849.204.475)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	2.952.000.000	2.952.000.000
Nguyên giá	228		2.952.000.000	2.952.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		163.888.134	111.114.792
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.11	163.888.134	111.114.792
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	30.000.000	30.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		30.000.000	30.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		24.137.115	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	24.137.115	-
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		33.576.873.663	31.553.284.171

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2018

Đơn vị tính VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		12.165.563.451	8.694.886.784
I. Nợ ngắn hạn	310		12.015.563.451	8.694.886.784
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	3.337.444.019	3.596.433.900
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	1.803.261.028	400.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	173.096.870	166.744.031
4. Phải trả người lao động	314		399.695.421	690.290.258
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	1.817.189.971	1.034.017.685
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.16	330.000.000	436.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.17	1.320.281.768	367.239.894
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.18	2.763.365.168	2.322.531.810
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		71.229.206	81.229.206
II. Nợ dài hạn	330		150.000.000	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.17	150.000.000	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		21.411.310.212	22.858.397.387
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.19	21.411.310.212	22.858.397.387
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		21.588.800.000	21.588.800.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		21.588.800.000	21.588.800.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Cổ phiếu quỹ	415		(475.357.950)	(475.357.950)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		684.906.291	684.906.291
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(387.038.129)	1.060.049.046
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		11.009.046	509.353.247
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(398.047.175)	550.695.799
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		33.576.873.663	31.553.284.171



Mạnh Xuân Kỳ
Giám đốc

Vinh, Ngày 10 tháng 08 năm 2018

Người lập

Hoàng Đình Khánh
Kế toán trưởng

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO2

Số 13, đường Mai Hắc Đế, Phường Quán Bàu

Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.20	7.910.227.971	7.791.670.413
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		7.910.227.971	7.791.670.413
4. Giá vốn hàng bán	11	4.21	6.421.713.480	6.306.342.706
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.488.514.491	1.485.327.707
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.22	119.925.836	262.962.757
7. Chi phí tài chính	22	4.23	893.001.916	(346.279.184)
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		40.473.416	232.375.416
8. Chi phí bán hàng	25		-	4.309.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.24	1.100.310.455	1.609.751.805
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(384.872.044)	480.508.843
11 Thu nhập khác	31	4.25	62.002.029	19.182.086
12 Chi phí khác	32	4.26	75.177.160	17.939.070
13 Lợi nhuận khác	40		(13.175.131)	1.243.016
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(398.047.175)	481.751.859
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.28	-	44.389.171
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(398.047.175)	437.362.688
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.19.5	(190)	208
19 Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.19.6	(190)	208



Phê Duyệt

Mạnh Xuân Kỳ

Giám đốc

Vinh, Ngày 10 tháng 08 năm 2018

Người lập

Hoàng Đình Khánh

Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO2

Số 13, đường Mai Hắc Đế, Phường Quán Bàu

Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

Mẫu số B 03a - DN**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****(Theo phương pháp trực tiếp)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		12.271.542.614	7.945.497.501
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(10.809.462.570)	(6.098.257.280)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.170.852.714)	(4.535.807.755)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(40.622.285)	(200.672.718)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	(374.493.723)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		567.111.810	134.527.490
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(605.698.722)	(494.849.962)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(787.981.867)	(3.624.056.447)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		364.445.836	262.962.757
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		364.445.836	262.962.757
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.29	6.965.334.967	9.185.036.637
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.30	(6.524.501.609)	(5.703.696.640)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		440.833.358	3.481.339.997
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		17.297.327	120.246.307
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		691.452.300	392.230.136
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70		708.749.627	512.476.443

**Phê Duyệt****Mạnh Xuân Kỳ****Giám đốc**

Vinh, Ngày 10 tháng 08 năm 2018

Người lập
Hoàng Đình Khánh**Kế toán trưởng**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Xây dựng Điện VNECO2 (sau đây được viết tắt là "Công ty") tiền thân là Xí nghiệp Xây dựng điện và vật tư thuộc Công ty Xây lắp điện 3, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Xây dựng điện 3.2 theo Quyết định số 159/2004/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và được đổi tên thành Công ty CP Xây dựng điện VNECO2 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2006. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900559122 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp lần đầu vào ngày 31 tháng 12 năm 2004 và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 16 tháng 05 năm 2018.

Ngày 26 tháng 7 năm 2010 cổ phiếu Công ty CP Xây dựng Điện VNECO2 chính thức được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là VE2.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 21.558.800.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 30/06/2018		Tại ngày 01/01/2018	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Việt Nam điện Việt Nam		6.790.756.000	31,45%	6.790.756.000	31,45%
Cổ phiếu quỹ		475.357.950	2,20%	475.357.950	2,20%
Các cổ đông khác		14.322.686.050	66,34%	14.322.686.050	66,34%
Cộng		21.588.800.000	100%	21.588.800.000	100%

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 13, đường Mai Hắc Đế, Phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 là 50 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 52 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, đường dây và trạm biến áp đến 500 KV;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng (gạch block, gạch terrazzo, gạch daramic), các sản phẩm bê tông;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng (gạch block, gạch terrazzo, gạch daramic);
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm bê tông;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn hàng trang trí nội thất;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn vật tư, thiết bị điện;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Đầu tư, kinh doanh bất động sản (nhà, đất);
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị, phụ kiện điện trong quá trình xây dựng các công trình điện;
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Tư vấn lập dự án, thẩm tra dự án, quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm 2017.

4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**4.1. Tiền**

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tiền mặt	552.947.776	638.213.998
Tiền gửi ngân hàng	155.801.851	53.238.302
Cộng	708.749.627	691.452.300

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2018			Tại ngày 01/01/2018		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư cổ phiếu:						
Đầu tư cổ phiếu là bên liên quan	5.702.062.611	3.729.762.000	1.972.300.611	2.767.105.711	1.647.333.600	1.119.772.111
- Xem thêm thuyết minh 4.32						
Công ty Cổ phần Sông Ba	1.619.047.619	2.516.000.000	-	1.619.047.619	2.779.500.000	-
Cộng	7.321.110.230	6.245.762.000	1.972.300.611	4.386.153.330	4.426.833.600	1.119.772.111

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2017			Tại ngày 01/01/2017		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác:						
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện Hồi Xuân Vneco	30.000.000	-	-	30.000.000	-	-
Cộng	30.000.000	-	-	30.000.000	-	-

Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam và Công ty Cổ phần Sông Ba trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ."

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện Hồi Xuân Vneco để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu từ khách hàng	3.114.213.697	3.478.213.697
Công ty CP Tư vấn và Kinh doanh Sông Đà	1.123.803.272	1.123.803.272
Các đối tượng khác	1.990.410.425	2.354.410.425
Phải thu khách hàng là các bên có liên quan - Xem thêm mục 4.32	7.542.489.154	10.173.114.233
Cộng	10.656.702.851	13.651.327.930

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Công ty Lưới Điện Cao Thế Miền Bắc	177.433.462	177.433.462
Công ty TNHH Bê Tông Vinh Thành	350.000.000	-
Các đối tượng khác	161.879.000	53.400.000
Cộng	689.312.462	230.833.462

4.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	3.364.350.333	-	3.564.488.201	-
Công ty Cổ phần Sông Ba	-	-	136.000.000	-
Phải thu khác là bên liên quan - Xem thêm mục 4.32	-	-	320.957.342	-
Các đối tượng khác	470.899.507	292.383.821	485.033.794	292.383.821
Cộng	3.835.249.840	292.383.821	4.506.479.337	292.383.821

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 30/06/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu ngắn hạn quá hạn thanh toán	938.037.445	66.863.981	983.761.175	66.863.981
Cộng	938.037.445	66.863.981	983.761.175	66.863.981

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2018			Tại ngày 01/01/2018		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Dương Chí Giai	143.927.828	-	Trên 3 năm	143.927.828	-	Trên 3 năm
Nguyễn Chính Thanh	79.039.072	-	Trên 3 năm	79.039.072	-	Trên 3 năm
Nguyễn Đức Sơn	81.863.981	66.863.981	Trên 3 năm	81.863.981	66.863.981	Trên 3 năm
Xí nghiệp Thương mại & Xây dựng công trình	233.680.000	-	Trên 3 năm	233.680.000	-	Trên 3 năm
UBND Phường Quang Trung	89.589.159	-	Trên 3 năm	89.589.159	-	Trên 3 năm
UBND Trường Thi - Đường Lê Hồng Phong	59.376.372	-	Trên 3 năm	59.376.372	-	Trên 3 năm
UBND Trường Thi - Đường Trần thủ Độ	203.231.326	-	Trên 3 năm	203.231.326	-	Trên 3 năm
Các đối tượng khác	47.329.707	-	Trên 3 năm	93.053.437	-	Trên 3 năm
Cộng	938.037.445	66.863.981		983.761.175	66.863.981	

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.281.383.067	-	260.792.248	-
Công cụ, dụng cụ	241.721.367	-	200.259.549	-
Chi phí SX, KD dở dang	3.337.885.357	-	1.346.839.032	-
Thành phẩm	708.436.395	-	709.168.258	-
Cộng	5.569.426.186	-	2.517.059.087	-

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ là 0 VND.

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối kỳ là 0 VND.

4.8. Chi phí trả trước

	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn:		
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	-	11.153.381
Chi phí bảo hiểm xe	13.043.334	18.745.000
Chi phí sửa chữa	2.745.000	18.035.000
Tiền thuê đất, thuê đất	119.307.731	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	29.507.271	-
Cộng	164.603.336	47.933.381

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Dài hạn:		
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	16.787.115	-
Chi phí sửa chữa	7.350.000	-
Cộng	24.137.115	-

4.9. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	P/ tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2018	4.050.274.334	382.965.616	3.747.810.091	8.181.050.041
Mua trong kỳ này	-	146.000.000	-	146.000.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2018	4.050.274.334	528.965.616	3.747.810.091	8.327.050.041
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2018	2.785.349.056	366.715.616	697.139.803	3.849.204.475
Khấu hao trong kỳ	66.817.664	6.500.000	187.390.506	260.708.170
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2018	2.852.166.720	373.215.616	884.530.309	4.109.912.645
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2018	1.264.925.278	155.750.000	3.050.670.288	4.331.845.566
Tại ngày 30/06/2018	1.198.107.614	155.750.000	2.863.279.782	4.217.137.396

Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2018 của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 1.629.300.267 đồng.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.981.832.354 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.10. Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
Nguyên giá:		
Tại ngày 01/01/2018	2.952.000.000	2.952.000.000
Mua trong kỳ	-	-
Tại ngày 30/06/2018	2.952.000.000	2.952.000.000
Khấu hao:		
Tại ngày 01/01/2018	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	-
Tại ngày 30/06/2018	-	-
Giá trị còn lại:		
Tại ngày 01/01/2018	2.952.000.000	2.952.000.000
Tại ngày 30/06/2018	2.952.000.000	2.952.000.000

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài với diện tích 1.800 m² tại Thị xã Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An. Theo Nghị Quyết số 07/NQ/HĐQT ngày 10 tháng 4 năm 2006 của Hội đồng quản trị, Công ty đã mua quyền sử dụng lô đất để đầu tư xây dựng kinh doanh du lịch nhà nghỉ tại Thị xã Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An. Hội đồng quản trị đã ủy quyền cho ông Nguyễn Đậu Thảo – Chủ tịch Hội đồng quản trị đứng tên với tư cách cá nhân tham gia đấu thầu để mua quyền sử dụng lô đất đó. Lô đất hiện đang mang tên ông Nguyễn Đậu Thảo và bà Mạnh Thị Bích Thủy. Ngày 09/07/2010 Ông Nguyễn Đậu Thảo và bà Mạnh Thị Bích Thủy đã ủy quyền về quản lý, sử dụng, cầm cố, thế chấp, nhượng quyền hoặc cho thuê thừa đất này cho Công ty CP Xây dựng Điện VNECO2 theo Hợp đồng ủy quyền số 0165.2010/HĐUQ với thời hạn 10 năm. Quyền sử dụng lô đất này hiện đang được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An.

4.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Dự án nâng cấp kho 13 Mai Hắc Đế	163.888.134	111.114.792
Cộng	163.888.134	111.114.792

4.12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Hiền Nhân	784.138.322	784.138.322	-	-
Công ty TNHH MTV XL Điện Hữu Duy KG	398.859.881	398.859.881	1.041.764.083	1.041.764.083
Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm mục 4.32	623.969.373	623.969.373	741.434.373	741.434.373
Các đối tượng khác	1.530.476.443	1.530.476.443	1.813.235.444	1.813.235.444
Cộng	3.337.444.019	3.337.444.019	3.596.433.900	3.596.433.900

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Ban QLDA Phát triển Điện Lực - Nghi Xuân	1.803.261.028	-
Doanh nghiệp tư nhân Phú Quang	-	400.000
Cộng	1.803.261.028	400.000

4.14. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2018 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 30/06/2018 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/ khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	166.744.031	784.123.701	879.184.511	-	71.683.221
Thuế thu nhập doanh nghiệp	88.030.561	-	-	-	88.030.561	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	2.860.649	1.447.000	-	1.413.649
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	231.646.000	131.646.000	-	100.000.000
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	88.030.561	166.744.031	1.021.630.350	1.015.277.511	88.030.561	173.096.870

4.15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Trích trước chi phí các công trình xây lắp	1.814.917.479	1.031.596.324
Lãi vay phải trả	2.272.492	2.421.361
Cộng	1.817.189.971	1.034.017.685

4.16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Doanh thu nhận trước tiền cho thuê mặt bằng	330.000.000	436.000.000
Cộng	330.000.000	436.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.17. Phải trả khác

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Ngắn hạn:		
Kinh phí công đoàn	45.641.805	34.440.919
Cổ tức phải trả	1.049.125.000	85.000
Bảo hiểm y tế	1.625.000	4.936.400
Tiền nhận ký cược, ký quỹ	-	110.000.000
Các đối tượng khác	223.889.963	217.777.575
Cộng	1.320.281.768	367.239.894
	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Dài hạn:		
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	150.000.000	-
Cộng	150.000.000	-

4.18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2018 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	2.763.365.168	2.763.365.168	6.965.334.967	6.524.501.609	2.322.531.810	2.322.531.810
Cộng	2.763.365.168	2.763.365.168	6.965.334.967	6.524.501.609	2.322.531.810	2.322.531.810

Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An theo Hợp đồng hạn mức số 641/TDDN17-NAN.KHBL ngày 15 tháng 11 năm 2017 với tổng mức dư nợ vay tối đa là 13.000.000.000 đồng. Thời hạn vay của hợp đồng là 12 tháng, lãi suất được quy định trong từng giấy nhận nợ cụ thể, thay đổi theo thông báo của ngân hàng từng thời điểm. Mục đích sử dụng vốn vay để thanh toán chi phí thực hiện các công trình. Hình thức đảm bảo tiền vay là thế chấp phương tiện vận tải và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.19. Vốn chủ sở hữu

4.19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	
Số dư tại ngày 01/01/2017	21.588.800.000	(475.357.950)	684.906.291	4.076.089.247	25.874.437.588
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	437.362.688	437.362.688
Chia cổ tức	-	-	-	(3.566.736.000)	(3.566.736.000)
Số dư tại ngày 30/06/2017	21.588.800.000	(475.357.950)	684.906.291	946.715.935	22.745.064.276
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	113.333.111	113.333.111
Số dư tại ngày 01/01/2018	21.588.800.000	(475.357.950)	684.906.291	1.060.049.046	22.858.397.387
Lỗ trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	(398.047.175)	(398.047.175)
Chia cổ tức	-	-	-	(1.049.040.000)	(1.049.040.000)
Tại ngày 30/06/2018	21.588.800.000	(475.357.950)	684.906.291	(387.038.129)	21.411.310.212

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 27 tháng 04 năm 2018.

4.19.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam	6.790.756.000	6.790.756.000
Cổ phiếu quỹ	475.357.950	475.357.950
Các cổ đông khác	14.322.686.050	14.322.686.050
Cộng	21.588.800.000	21.588.800.000

4.19.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn góp tại ngày 01/01/2018	21.588.800.000	21.588.800.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 30/06/2018	21.588.800.000	21.588.800.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.19.4.Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	2.158.880	2.158.880
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.158.880	2.158.880
- Cổ phiếu phổ thông	2.158.880	2.158.880
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	60.800	60.800
- Cổ phiếu phổ thông	60.800	60.800
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.098.080	2.098.080
- Cổ phiếu phổ thông	2.098.080	2.098.080
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

4.19.5.Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(398.047.175)	437.362.688
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lãi /(Lỗ) sau thuế của cổ đông của Công ty	(398.047.175)	437.362.688
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	2.098.080	2.098.080
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(190)	208

4.19.6.Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(398.047.175)	437.362.688
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN	-	-
Lãi /(Lỗ) để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	(398.047.175)	437.362.688
Số lượng CP phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	2.098.080	2.098.080
Số lượng CP phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.098.080	2.098.080
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(190)	208

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu xây lắp	-	847.650.587
Doanh thu bán thành phẩm	936.363	67.315.409
Doanh thu cho thuê mặt bằng	450.000.000	372.000.000
Cộng	450.936.363	1.286.965.996
Doanh thu đối với các bên liên quan – Xem thêm mục 4.32	7.459.291.608	6.504.704.417
Tổng cộng	7.910.227.971	7.791.670.413

4.21. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	6.420.981.617	6.252.056.741
Giá vốn của hàng hóa đã bán	731.863	54.285.965
Giá vốn cho thuê mặt bằng	-	-
Cộng	6.421.713.480	6.306.342.706

4.22. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	119.000.000	262.500.000
Lãi tiền gửi ngân hàng	925.836	462.757
Cộng	119.925.836	262.962.757

4.23. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	40.473.416	232.375.416
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	852.528.500	(578.654.600)
Cộng	893.001.916	(346.279.184)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.24. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	503.556.654	430.369.533
Chi phí khấu hao tài sản cố định	133.519.259	120.688.910
Chi phí thuê đất, phí khác	188.966.380	160.831.574
Chi phí bằng tiền khác	274.268.162	897.861.788
Cộng	1.100.310.455	1.609.751.805

4.25. Thu nhập khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	46.946.008	-
Chi phí khác	15.056.021	19.182.086
Cộng	62.002.029	19.182.086

4.26. Chi phí khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Trợ cấp thất nghiệp	42.936.000	-
Chi phí khác	32.241.160	17.939.070
Cộng	75.177.160	17.939.070

4.27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu vật liệu	3.341.718.396	1.469.248.612
Chi phí nhân công	2.304.387.095	1.872.765.443
Chi phí khấu hao tài sản cố định	260.708.170	194.006.574
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.326.613.711	2.114.157.276
Chi phí khác bằng tiền	278.179.162	318.838.580
Cộng	9.511.606.534	5.969.016.485

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	(398.047.175)	481.751.859
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(119.000.000)	(259.806.006)
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	-	2.693.994
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	119.000.000	262.500.000
Tổng thu nhập chịu thuế TNDN	(517.047.175)	221.945.853
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	-	44.389.171

4.29. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	6.965.334.967	9.185.036.637
Cộng	6.965.334.967	9.185.036.637

4.30. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền chi trả gốc vay theo kế ước thông thường	6.524.501.609	5.703.696.640
Cộng	6.524.501.609	5.703.696.640

4.31. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành hai bộ phận hoạt động là bộ phận hoạt động xây lắp và bộ phận bán thành phẩm gạch và cho thuê mặt bằng. Tuy nhiên, doanh thu của bộ phận bán thành phẩm gạch và cho thuê mặt bằng chiếm lệ dưới 10% so với tổng doanh thu của cả công ty (chi tiết trong thuyết minh số 4.20). Do đó, Công ty không thực hiện lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.32. Thông tin về các bên có liên quan

<u>Danh sách bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO3	Cùng chủ sở hữu
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO4	Cùng chủ sở hữu
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 10	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO12	Cùng chủ sở hữu
HĐQT và Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 30/06/2018 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2018 VND</u>
Phải thu khách hàng		
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	7.390.421.785	10.046.473.364
Công ty CP Xây dựng điện VNECO4	126.640.869	126.640.869
Công ty CP Xây dựng điện VNECO3	25.426.500	-

Cộng - Xem thêm mục 4.3

7.542.489.154	10.173.114.233
----------------------	-----------------------

	<u>Tại ngày 30/06/2018 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2018 VND</u>
Phải thu khác		
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	-	320.957.342

Cộng - Xem thêm mục 4.5

-	320.957.342
----------	--------------------

	<u>Tại ngày 30/06/2018 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2018 VND</u>
Phải trả người bán		
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 10	25.200.000	25.200.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO12	598.769.373	716.234.373

Cộng - Xem thêm mục 4.12

623.969.373	741.434.373
--------------------	--------------------

	<u>Tại ngày 30/06/2018 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2018 VND</u>
Đầu tư cổ phiếu		
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	5.702.062.611	2.767.105.711

Cộng - xem thêm mục 4.2

5.702.062.611	2.767.105.711
----------------------	----------------------

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng		
Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	7.096.886.259	6.422.627.286
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO4	69.600.000	82.077.131
Công ty CP Xây dựng điện VNECO3	115.575.000	-
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 10	177.230.349	-
Cộng - xem thêm mục 4.20	7.459.291.608	6.504.704.417

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức đã trả		
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	339.537.500	-
Cộng	339.537.500	-

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thù lao và thu nhập	368.757.000	351.759.000
Cộng	368.757.000	351.759.000

4.33. Thu nhập Ban kiểm soát

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	94.253.100	92.373.000
Cộng	94.253.100	92.373.000

4.34. Công cụ tài chính

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể có các rủi ro tài chính như sau:

- Rủi ro tín dụng: Là khả năng mà khách nợ sẽ không hoàn trả toàn bộ hoặc một phần các khoản vay, hoặc sẽ không hoàn trả đúng hạn và do đó sẽ đưa đến một khoản lỗ cho Công ty.
- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro mà Công ty có thể không có hoặc không có khả năng có tiền khi cần và do đó sẽ gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ có liên quan đến các khoản công nợ tài chính.
- Rủi ro thị trường: Là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ biến động về mặt giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai do những biến động về giá cả trên thị trường. Về cơ bản, Công ty có rủi ro về lãi suất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Để quản lý một cách có hiệu quả các rủi ro trên, Giám đốc của Công ty đã phê duyệt những chiến lược cụ thể để quản lý những rủi ro này phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty. Những chiến lược này đưa ra những hướng dẫn đối với mục tiêu ngắn hạn và dài hạn và những hành động sẽ được thực hiện để quản lý những rủi ro tài chính của Công ty. Những hướng dẫn chủ yếu bao gồm:

- Tối thiểu hóa các rủi ro về giá, rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất đối với tất cả các giao dịch;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện và giám sát ở mức độ tập trung;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện trên cơ sở nhất quán, thận trọng và theo những thông lệ thị trường tốt nhất;
- Công ty có thể đầu tư cổ phiếu và các công cụ tương tự chỉ trong trường hợp có tiền nhàn rỗi tạm thời và các giao dịch này phải được HĐQT phê duyệt.

Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tài sản tài chính:		
Tiền và các khoản tương đương tiền	708.749.627	691.452.300
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.256.428.894	13.676.421.872
Đầu tư tài chính	5.378.809.619	3.296.381.219
Cộng	16.343.988.140	17.664.255.391
Công nợ tài chính:		
Các khoản vay	2.763.365.168	2.322.531.810
Phải trả người bán và phải trả khác	4.760.458.982	3.924.296.475
Chi phí phải trả	1.817.189.971	1.034.017.685
Cộng	9.341.014.121	7.280.845.970

Rủi ro thanh khoản

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản trên cơ sở ngày đến hạn được mong đợi.

Bảng dưới đây phân tích nợ tài chính theo ngày đến hạn còn lại theo hợp đồng:

	Vay và nợ VND	Nợ phải trả VND	Cộng VND
Dưới 01 năm	2.763.365.168	6.427.648.953	9.191.014.121
Từ 1 - 3 năm	-	150.000.000	150.000.000
Tại ngày 30/06/2018	2.763.365.168	6.577.648.953	9.341.014.121
	Vay và nợ VND	Nợ phải trả VND	Cộng VND
Dưới 01 năm	2.322.531.810	4.958.314.160	7.280.845.970
Từ 1 - 3 năm	-	-	-
Tại ngày 01/01/2018	2.322.531.810	4.958.314.160	7.280.845.970

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Công ty dự kiến sẽ thanh toán tất cả các khoản nợ khi đến hạn. Để đáp ứng các cam kết thanh toán này, Công ty dự kiến các hoạt động kinh doanh sẽ tạo ra đủ dòng tiền vào. Ngoài ra, Công ty đang nắm giữ các tài sản tài chính có thị trường thanh khoản và sẵn sàng đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

Rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất đối với các hợp đồng vay theo lãi suất thả nổi. Hiện tại, Công ty không nắm giữ các khoản vay và nợ phải thu có bản chất dài hạn. Bảng dưới đây cung cấp chi tiết các khoản nợ theo từng loại lãi suất:

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Nợ tài chính		
Theo lãi suất thả nổi	2.763.365.168	2.322.531.810

Rủi ro về giá các khoản đầu tư chứng khoán vốn

Như được nêu trong chính sách rủi ro tài chính của Công ty đã được HĐQT phê duyệt, Công ty chỉ đầu tư các thanh khoản tạm thời nhân rồi vào cổ phiếu và các công cụ tương tự. Công ty bị cầm đầu tư vào các công cụ phái sinh nhằm mục đích đầu cơ.

Vào ngày 30/06/2018, Công ty đang nắm giữ một số cổ phiếu sẵn sàng để bán của các công ty niêm yết tại thị trường chứng khoán Hà Nội. Do vậy, các khoản đầu tư này vừa chịu rủi ro về tiền tệ vừa chịu những rủi ro về thay đổi giá trị hợp lý.

4.35. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Phê Duyệt

Mạnh Xuân Kỳ

Giám đốc

Vinh, Ngày 10 tháng 08 năm 2018

Người lập

Hoàng Đình Khánh

Kế toán trưởng